

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 21-6-2019

V/v ly hôn giữa chị Đ và anh M

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Hà Bắc;
2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lự, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm, Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết Đ đưa vụ án ra xét xử số: 67/2019/QĐXX-ST ngày 02 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983(có mặt)

- Bị đơn: Lê Văn M, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Đ trình bày: Chị và anh Lê Văn M đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị về chung sống cùng anh M ngay. Vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm, đến năm 2010 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh M có quan hệ với người phụ nữ khác không quan tâm đến gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra xô xát cãi chửi nhau, cuộc sống không có hạnh phúc. Chị và anh M đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, không thể đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh M.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống vợ chồng chị có 01 con chung là Lê Trung Dũng, sinh ngày 22/02/2010. Hiện nay cháu Dũng đang ở với anh M, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn chị và anh M thống nhất anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung, chị cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng.

Về tài sản, công nợ: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, bị đơn anh Lê Văn M trình bày: Về thời gian đăng ký kết hôn, quá trình chung sống như chị Đ trình bày là đúng. Nguyên nhân vợ chồng anh xảy ra mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không hiểu và thông cảm cho nhau. Nay chị Đ xin ly hôn anh cũng nhất trí ly hôn. Anh đã nhận được các văn bản của Tòa án giao nhưng do có việc bận nên anh không thể có mặt tại các phiên họp và tại phiên tòa được.

Về nuôi con chung: Vợ chồng anh có 01 con chung là cháu Lê Trung Dũng, sinh năm 2010. Hiện đang cháu đang ở với anh, anh tôn trọng ý kiến của con nếu cháu có nguyện vọng ở với anh, anh nhất trí nuôi con và chị Đ tự nguyện cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/ tháng anh cũng nhất trí.

Về tài sản, công nợ anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Anh M vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời khai của anh M.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy Đ của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị Đ chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Anh M vắng mặt tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, xử cho ly hôn giữa chị Đ và anh M.

Về nuôi con chung: Giao cho anh M trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Trung Dũng, sinh năm 2010. Chị Đ cấp dưỡng nuôi con 02 triệu đồng/tháng.

Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không đề nghị giải quyết nên không đặt ra xem xét.

NHẬN Đ CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận Đ:

[1] *Về tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh M nhưng anh M vẫn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của BLTTDS xét xử vắng mặt anh M.

[2] *Về nội dung:* Chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn M đăng ký kết hôn năm 2009 tại UBND xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện nên hôn nhân giữa chị Đ và anh M là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống vợ chồng chị Đ anh M hòa thuận, hạnh phúc được 02 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2013 mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hiểu và thông cảm cho nhau, Chị Đ và anh M đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. Anh M cũng xác nhận lời khai của chị Đ về mâu thuẫn vợ chồng là đúng. Nay chị Đ xin ly hôn anh cũng nhất trí. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị Đ và anh M đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đ được ly hôn với anh M.

[3] *Về nuôi con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng chị Đ, anh M có 01 con chung là Lê Trung Dũng, sinh ngày 22/02/2010. Hiện nay cháu Dũng đang ở với anh M, cháu khỏe mạnh phát triển bình thường. Ly hôn chị Đ nhất trí giao cho anh M nuôi con và chị cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng. Anh M nhất trí nuôi con và có đủ điều kiện để nuôi con. Cháu Dũng cũng có nguyện vọng được ở với anh M. Do vậy cần căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình giao cho anh M trực tiếp nuôi con chung là phù hợp.

[4] *Về tài sản và công nợ chung*: Chị Đ anh M không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy Đ của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn M.

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Lê Văn M trực tiếp nuôi con Lê Trung Dũng, sinh ngày 22/02/2010. Chị Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 7/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

3. *Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003858 ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Đ phải nộp tiếp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã B, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ ... phút, ngày 21 tháng 6 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Hà Bắc, bà Nguyễn Thị Hoan.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 148/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983.

- *Bị đơn*: Lê Văn M, sinh năm 1979.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy Đ của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT Đ CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy Đ về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Đ và anh Lê Văn M.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. *Về nuôi con chung*: Giao cho anh Lê Văn M trực tiếp nuôi con Lê Trung Dũng, sinh ngày 22/02/2010. Chị Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/tháng kể từ tháng 7/2019 đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. *Về án phí*: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003858 ngày 14/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L. Chị Đ phải nộp tiếp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 21 tháng 6 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Hà Bắc

Nguyễn Thị Hoan

Tạ Thị Thu Thủy

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi ... giờ... phút, ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Toan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Thái và ông Nguyễn Xuân Chung.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 14/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hà, sinh năm 1988

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Chung, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đại Từ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy Đ của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT Đ CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228, khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị Hà và anh Nguyễn Văn Chung.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Hà nuôi cả 2 con Nguyễn Trần Bảo Ngọc, sinh ngày 23/4/2009 và Nguyễn Trần Ngọc Diệp, sinh ngày 24/3/2011 vấn đề cấp dưỡng không đặt ra xem xét giải quyết. Anh Chung có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở anh Chung thực hiện quyền này.

2. *Về án phí*: Chị Hà phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003366 ngày 07/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc vào hồi ... giờ ... phút, ngày 15 tháng 3 năm 2019.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

